

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2025/HSST**

Ngày 09/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B1, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Tuấn;

Bà Trần Thu Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận B1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đỗ Tuấn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2025/TLST-HS, ngày 22/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 602025/QĐ-TA ngày 08/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T;; Sinh ngày: 23/3/1998 tại Nghệ An; Nơi thường trú: Xóm 7, xã Q, tỉnh Nghệ An (Trước đây là: Xóm 7, xã T1, huyện L1, tỉnh Nghệ An); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Họ và tên bố: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1970; Danh chỉ bản số 474 do PC11A, Công an thành phố Hà Nội lập ngày 04/4/2025; Tiền án: Bản án số 140/2018/HSST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận B1, thành phố Hà Nội, xử phạt: 38 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội ngày: 19/5/2018, trị giá tài sản: 6.000.000 đồng; ngày 25/5/2018, trị giá tài sản: 4.500.000 đồng; ngày 29/5/2018, trị giá tài sản: 3.500.000 đồng; ngày 03/6/2018, trị giá tài sản: 5.000.000 đồng; ngày 04/6/2018, trị giá tài sản: 5.000.000 đồng; ngày 06/6/2018, trị giá tài sản: 4.000.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2021; Bản án số 144/2023/HSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận B1, thành phố Hà Nội, xử phạt 22 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội ngày 11/4/2022, trị giá tài sản: 3.500.000 đồng; ngày 04/9/2022, trị giá tài sản: 3.000.000 đồng; ngày 16/3/2023, trị giá tài sản: 4.000.000 đồng; ngày 18/3/2023, trị giá tài sản: 5.200.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2024; Nhân thân: Bản án số 169/2015/HSST ngày 26/8/2015 của Tòa án nhân dân quận B1, thành phố Hà Nội xử phạt: 12 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Trộm cắp tài sản (Phạm tội khi 17 tuổi 01 tháng 23 ngày, trị giá tài sản: 5.300.000 đồng); Bản án số 04/2016/HSST ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân quận B1, thành phố Hà Nội xử phạt: 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Phạm tội khi

17 tuổi 05 tháng 03 ngày, trị giá tài sản: 1.250.000 đồng). Tổng hợp hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ tại Bản án số 169, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 tháng 20 ngày tù; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/5/2016.

Bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 27/3/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 – Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: Bùi Đức B; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 25/12/1995; Nơi thường trú: Tổ dân phố số 15 phường P1, quận B1, nay là phường P1, thành phố Hà Nội; Dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Bùi Đức A1(đã chết); Họ và tên mẹ: Trịnh Thị H1 - SN: 1971; Vợ: Bùi Ngọc A2- SN: 2005; Có 01 con, sinh năm 2022; Danh chỉ bản số: do Công an thành phố Hà Nội lập ngày /4/2025 Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 27/3/2025, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 04/4/2025. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trang Công U, sinh năm: 1982; Nơi thường trú: Số 28 H1, phường K1, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: B12A, chung cư Z, số 8 Đ3, phường E1, thành phố Hà Nội;

- Công ty TNHH Dịch vụ bất động sản K3; Địa chỉ trụ sở chính: Villa E12 Y1, phường E1, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn ThịDuyen (Nguyễn Thị D1); Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn C3, sinh năm: 2001, địa chỉ: số 16 ngõ 50 R2, phường E1, thành phố Hà Nội;

- ÔngPhạm Văn E6, sinh năm: 1996, địa chỉ: số 4 hẻm 6 ngách 58 ngõ 38 X1, phường X4, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bị cáo Nguyễn Văn T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản là điện thoại, máy tính để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo đã lợi dụng đêm tối, cạy phá cửa của các văn phòng, đột nhập vào bên trong, trộm cắp tài sản là điện thoại, máy tính xách tay mang đi bán, lấy tiền tiêu dùng cá nhân.

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 21/3/2025, bị cáo T đi lang thang tại khu vực phường Mỹ Đình 2, quận Nam E1, nay thuộc phường E1, thành phố Hà Nội phát hiện thấy cửa sổ của quán cà phê F1 ở tầng 1 chung cư Z2, ngõ 4 phố G2được làm bằng khung nhôm, dễ cạy phá nên bị cáo dùng một thanh sắt nhọn cạy cửa sổ rồi chui vào bên trong lấy 01 laptop Dell Inspiron, 01 điện thoại Iphone 7, 01 điện thoại Iphone 7 Plus và 3.700.000 đồng của anh Trang Công U. Sau đó, bị cáo T đã đăng bán trên mạng xã hội và đã bán cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) chiếc laptop Dell

Inspison với giá 7.500.000 đồng và 02 điện thoại di động với giá 1.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Anh Trang Công U đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc và cung cấp video hình ảnh đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Vụ thứ 2: Khoảng 01 giờ ngày 24/03/2025, bị cáo T mang theo một chiếc balo màu đen, một chiếc búa đinh đi xung quanh vực đường Y1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam E1, nay thuộc phường E1, thành phố Hà Nội xem có sơ hở để trộm cắp tài sản thì phát hiện trụ sở Công ty K3 tại Villa O không có người trông giữ. Bị cáo dùng búa đinh đập vỡ cửa kính tầng 1 của Công ty, đột nhập vào bên trong, thấy ở tầng 1 có để nhiều máy tính và điện thoại cũ, đã lấy 01 chiếc laptop nhãn hiệu Acer 5A515 58M 951T màu xám, 01 laptop nhãn hiệu Lenovo màu xám, 01 laptop nhãn hiệu HP Pavilion màu bạc, 01 máy tính bảng Galaxy Tab A9+5G, 01 điện thoại Xiaomi Redmi 4A màu vàng, 01 điện thoại Wiko F1S màu trắng, 01 điện thoại Poco C40 màu vàng, 01 điện thoại Xiaomi, 01 điện thoại OPPO và 01 điện thoại Redmi màu vàng của Công ty K3 cho vào trong balo. Sau đó, Bị cáo bắt xe ôm đi đến khu vực gần trường Đại học X5, rồi gọi qua Messenger cho bị cáo Bùi Đức B (là bạn quen biết xã hội, do Bình từng kể cho bị cáo việc B có mua đồ cũ để bán kiếm lời) để bán tài sản vừa trộm cắp. Bị cáo T gọi nói với bị cáo B: “Có mấy cái laptop và điện thoại có mua thì chạy qua lấy”. Bị cáo B đồng ý mua, hai bên hẹn gặp tại Đại học X5. Khoảng hơn 03 giờ sáng cùng ngày, bị cáo B đến gặp bị cáo T và nói: “Để tôi mang về bán cho mỗi của tôi, được bao nhiêu thì tôi báo lại”. Bị cáo T nói sẽ bán số tài sản này cho bị cáo B với giá 14.000.000 đồng, bị cáo B đồng ý và đưa trước cho bị cáo T 150.000 đồng tiền mặt rồi hai bên giao nhận tài sản. Khoảng 1-2 tiếng sau, bị cáo T bảo bị cáo B chuyển khoản cho bị cáo T ít tiền trước để ăn uống nên bị cáo B đã chuyển khoản từ tài khoản của bị cáo B số 19037560995018 mở tại Ngân hàng A3 đến tài khoản của bị cáo T số 8824528894 mở tại Ngân hàng A3 số tiền 3.350.000 đồng.

Sau khi mua được tài sản, bị cáo B gọi điện thoại cho anh Phạm Văn E6 (Sinh năm 1996; Trú tại: xã A7, huyện A8, tỉnh Nam Định) là bạn quen biết xã hội hỏi: “em có mua Laptop không”, anh E6 bảo có mua. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, Thiệu đến nhà thì bị cáo B bỏ 04 chiếc Laptop các loại ra cho E6 kiểm tra. Sau khi xem máy xong, E6 đồng ý mua Laptop Acer với giá: 11.000.000 đồng; Laptop Hp, Lenovo và Dell là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 17.000.000 đồng và thanh toán cho bị cáo B bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19033038043011 của Thiệu tại A3 đến tài khoản số 19037560995018 của bị cáo B tại A3.

Chiều cùng ngày, bị cáo B gặp và bán cho một người đàn ông không quen biết đang đi thu mua đồ điện tử cũ trên đường C5 chiếc điện thoại Poco C40; 01 điện thoại di động Oppo; 01 điện thoại di động redmi và 01 điện thoại Xiaomi với giá mỗi chiếc là 500.000 đồng. Còn lại 01 điện thoại Wiko; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A9+ và 01 điện thoại Redmi bị cáo B vẫn để ở nhà.

Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, bị cáo B gọi cho bị cáo T nói đã bán được tài sản, bị cáo T bảo cho bị cáo B 500.000 đồng nên bị cáo B đã chuyển khoản tiếp cho bị cáo

T 10.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, bị cáo T đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 24/3/2025, anh E6 đã đăng bán lại trên mạng xã hội Facebook thì anh Trần Văn C3 (Sinh năm 2001; Trú tại: Xã U3, huyện U4, tỉnh Thanh Hóa) liên hệ hỏi mua và hai bên trực tiếp gặp nhau thoản thuận mua bán chiếc laptop Acer Aspiere 5 với giá 11.500.000 đồng và mua chiếc laptop HP Pavilion với giá 3.300.000 đồng.

Ngày 24/3/2025, chị Nguyen THIDUYEN đã đến Công an phường Mỹ Đình 1 trình báo và cung cấp 01 USB chứa hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản.

Các bị cáo T và Bình khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bị cáo B khai khi mua tài sản của bị cáo T, do cả hai giao dịch vào ban đêm, ở ngoài đường, mua bán nhiều chủng loại hàng hóa không đồng nhất, giá bán rẻ so với giá thị trường nên bị cáo B nhận thức và biết rõ các tài sản này là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng do ham rẻ nên bị cáo vẫn mua để bán lại kiếm lời.

* Vật chứng thu giữ: Thu giữ của bị cáo B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 máy tính bảng Samsung Galaxy Tab 9A + 5G, màu xám; 01 điện thoại Redmi màu vàng, không gắn sim; 01 điện thoại Wiko F1s màu trắng, không gắn sim; Thu giữ của anh E6: 01 máy tính xách tay Lenovo Model: IPS145 – 15IIL, số seri 81W8001XVN, màu xám; Thu giữ của anh C3: 01 laptop Acer Aspire 5A515 – 58M – 951T, màu xám.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 16/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND quận Nam E1, kết luận:

- Tài sản thu giữ được: 01 laptop nhãn hiệu Acer 5A515 58M 951T, màu xám, số S/N: NXXKQ8SV001401041763400; số SNID: 40101675834, máy laptop đã qua sử dụng, thông số kỹ thuật: Intel core i9-13900H/Ram 16GB/SSD 512GB/15.6inch, trị giá tài sản là 13.000.000 đồng; 01 laptop nhãn hiệu Lenovo, màu xám, Model: Ideapad s145-15IIL, số seri: 81 W8001XVN, thông số kỹ thuật: Intel core i3-1005G1/Ram 4GB/SSD 256GB/15.6inch mua năm 2021, trị giá tài sản là 4.000.000 đồng; 01 máy tính bảng Galaxy Tab A9+5G bản có sim (lắp sim số 0962.999.212) màu đen, số IMEI: 357358146068797, mua tháng 01/2025, trị giá tài sản là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 4A, màu vàng, số IMEI: 865400030893685, đã qua sử dụng, trị giá tài sản là 200.000 đồng; 01 điện thoại Wiko F1S màu trắng, không có sim, số imei: 865117032064608, máy đã qua sử dụng, trị giá tài sản là 200.000 đồng.

- Tài sản không thu giữ được: 01 laptop Dell Inspiron Plus 7620, core i7, 12700H, bản 16 inch, màu xanh xám, mua mới năm 2024, trị giá tài sản là 14.400.000 đồng; 01 laptop nhãn hiệu HP PAVILION màu bạc, không rõ số seri của máy, mua mới năm 2019, không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 điện thoại di động Poco C40 màu vàng, máy không lắp thẻ sim, không rõ số IMEI, không có hóa đơn mua bán, không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 điện thoại di động Xiaomi, máy không lắp thẻ sim, không rõ số IMEI, không rõ đời máy, không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 điện thoại di động Oppo, máy không lắp thẻ sim, không rõ số IMEI, đặc điểm của máy, không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 điện thoại Redmi màu vàng, máy đã qua sử dụng, không đủ cơ sở định giá tài

sản; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 32GB, đã qua sử dụng, không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 điện thoại Iphone 7, 32GB, đã qua sử dụng, không đủ cơ sở định giá tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73 ngày 16/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND quận Nam E1, kết luận: 01 tấm kính trắng trong, độ dày 10.38mm, loại kính 02 lớp, kích thước 750x1.150mm, trị giá tài sản là 1.400.000 đồng.

Anh Phạm Văn E6, khi thực hiện giao dịch mua bán máy tính với bị cáo B, không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Anh Trần Văn C3, khi thực hiện giao dịch mua bán máy tính với anh E6 không biết là tài sản do phạm tội mà có, sau khi mua laptop của anh E6, đã bán 01 laptop HP Pavilion cho 01 người đi đường (không rõ nhân thân). Chiếc laptop Acer Aspire 5A515 – 58M – 951T, màu xám anh C3 đã chủ động giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Chiếc laptop nhãn hiệu Dell Vostro i5 gen 3 bị cáo B bán cho anh E6, là tài sản của bị cáo B mua khoảng 01 năm trước, bị cáo không nhớ số điện thoại và không biết thông tin của người bán, anh E6 sau khi mua, đã bán cho người không quen biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Hành vi của bị cáo T đập vỡ 01 tấm kính trị giá 1.400.000 đồng của Công ty K3: Do tài sản bị hủy hoại trị giá dưới 2.000.000 đồng và bị cáo không có tiền án, tiền sự về hành vi này nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo T về hành vi "Hủy hoại tài sản của cá nhân, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, mức phạt 4.000.000 đồng.

Ngày 16/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả 01 laptop nhãn hiệu Acer 5A515 58M 951T, màu xám, số S/N: NXKQ8SV001401041763400; số SNID: 40101675834, máy laptop đã qua sử dụng, thông số kỹ thuật: Intel core i9-13900H/Ram 16GB/SSD 512GB/15.6inch; 01 laptop nhãn hiệu Lenovo, màu xám, Model: Ideapad s145-15IIL, số seri: 81 W8001XVN, thông số kỹ thuật: Intel core i3-1005G1/Ram 4GB/SSD 256GB/15.6inch mua năm 2021; 01 máy tính bảng Galaxy Tab A9+5G bản có sim (lắp sim số 0962.999.212) màu đen, số IMEI: 357358146068797, mua tháng 01/2025; 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi 4A, màu vàng, số IMEI: 865400030893685, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Wiko F1S màu trắng, không có sim, số imei1: 865117032064608, máy đã qua sử dụng cho Công ty K3. Công ty K3 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Anh Trang Công U không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Trước khi xét xử, bị cáo B đã tự nguyện nộp số tiền 3.500.000 đồng thu lợi bất chính vào công quỹ theo biên lai số 0001701 ngày 21/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS, ngày 17/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Bùi Đức B về tội “Tiêu thụ

tài sản do người khác phạm tội mà có” theo qui định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án từ 36 đến 42 tháng tù; Buộc bị cáo T phải nộp xung công quỹ số tiền thu lời bất chính là 22.500.000 đồng; Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Đức B mức án từ 07 đến 10 tháng tù; Buộc bị cáo B nộp tiền thu lời bất chính là 3.500.000 đồng; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung, model: SM-J510FN/DS, màu đen, có IMEI: 357202/07/839289/2 và 357203/07/839289/0 đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được chất lượng; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận B1 trong quá trình điều tra, truy tố: Các hành vi, quyết định tố tụng được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại, tố cáo về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

2. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định:

- Khoảng 02 giờ ngày 21/3/2025 tại quán cà phê Mon, ngõ 4 phố G2 phường Mỹ Đình 2, quận Nam E1, nay thuộc phường E1, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lợi dụng đêm tối, phá cửa, trộm cắp các tài sản sau: 01 laptop Dell Inspiron Plus 7620 trị giá 14.400.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 7, 01 điện thoại Iphone 7 Plus (không đủ cơ sở định giá) cùng với số tiền 3.700.000 đồng của anh Trang Công U. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 18.100.000 đồng. Bị cáo T đã bán tài sản trên được 8.500.000 đồng và tiêu sài hết, anh Tùng không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự. Bị cáo được hưởng lợi bất chính số tiền 12.200.000 đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 24/3/2025, tại Villa E11 Đ quận Nam E1, nay thuộc phường E1, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lợi dụng đêm tối, phá cửa, trộm cắp các tài sản sau: 01 laptop nhãn hiệu Acer 5A515 trị giá 13.000.000 đồng; 01 laptop nhãn hiệu Lenovo, màu xám trị giá 4.000.000 đồng; 01 máy tính bảng

nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A9+5G trị giá: 3.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi 4A, màu vàng trị giá 200.000 đồng và các tài sản gồm: 01 điện thoại Wiko F1S màu trắng trị giá 200.000 đồng cùng 01 laptop nhãn hiệu HP PAVILION màu bạc, 01 điện thoại di động Poco C40 màu vàng, máy không lắp thẻ sim; 01 điện thoại di động Xiaomi, máy không lắp thẻ sim; 01 điện thoại di động Oppo, máy không lắp thẻ sim và 01 điện thoại Redmi màu vàng (không đủ cơ sở định giá) của Công ty K3. Tổng trị giá tài sản bị cáo T trộm cắp ngày 24/3/2025 là 20.400.000 đồng. Bị cáo T sau khi chiếm đoạt tài sản, đã liên hệ và bán cho bị cáo Bùi Đức B các tài sản vừa trộm cắp nêu trên với giá 14.000.000 đồng – là số tiền bị cáo thu lợi bất chính.

Tổng trị giá tài sản bị cáo Nguyễn Văn T trộm cắp trong 02 vụ nêu trên là 38.500.000 đồng.

- Khoảng 03 giờ ngày 24/3/2025, bị cáo Bùi Đức B mặc dù nhận thức rõ các tài sản bị cáo T bán cho mình là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vì ham rẻ nên đã mua các tài sản trên của bị cáo T với tổng giá trị là 14.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo B đã bán 01 laptop Acer với giá 11.000.000 đồng, 01 laptop HP với giá 2.000.000 đồng, 01 laptop Lenovo với giá 2.000.000 đồng và 04 điện thoại với giá tổng cộng là 2.000.000 đồng, tổng cộng là 17.000.000 đồng, thu lợi bất chính 3.500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị cáo Bùi Đức B tiêu thụ tài sản do bị cáo T trộm cắp là 20.400.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo T đã 04 lần bị kết án và tại Bản án số 144/2023/HSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận B1, Hà Nội đã kết án, xử phạt: 22 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành hình phạt xong ngày 02/10/2024 với tình tiết tăng nặng “tái phạm” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo T 04 lần bị kết án liên tiếp từ năm 2015 đến nay, trong đó có 02 lần bị cáo đã thành niên, bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, trong đó có 02 lần bị kết án với tổng cộng 10 vụ trộm cắp tài sản và đều có giá trị trên 2.000.000 đồng) chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng (Bản án số 140/2018/HSST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận B1, thành phố Hà Nội, xử phạt: 38 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội ngày: 19/5/2018, trị giá tài sản: 6.000.000 đồng; ngày 25/5/2018, trị giá tài sản: 4.500.000 đồng; ngày 29/5/2018, trị giá tài sản: 3.500.000 đồng; ngày 03/6/2018, trị giá tài sản: 5.000.000 đồng; ngày 04/6/2018, trị giá tài sản: 5.000.000 đồng; ngày 06/6/2018, trị giá tài sản: 4.000.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2021; Bản án số 144/2023/HSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận B1, thành phố Hà Nội, xử phạt 22 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội ngày 11/4/2022, trị giá tài sản: 3.500.000 đồng; ngày 04/9/2022, trị giá tài sản: 3.000.000 đồng; ngày 16/3/2023, trị giá tài sản: 4.000.000 đồng; ngày 18/3/2023, trị giá tài sản: 5.200.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2024). Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Do đó bị cáo T phải chịu 02 tình tiết định khung tăng nặng hình phạt quy định tại điểm b,g

khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo B đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo T được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo B đủ yếu tố cấu thành tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội

3.1. Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

3.2. Hành vi phạm tội của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự, trị an địa phương, tiếp tay cho những hành vi vi phạm pháp luật về xâm phạm sở hữu của người khác. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

4.1. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T có thái độ khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo - tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo B Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đã tự nguyện nộp tiền thu lời bắt chính trước khi xét xử - là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

5. Về hình phạt

5.1. Về hình phạt chính:

- Đối với bị cáo T: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 38.500.000 đồng và thu lời bất chính số tiền lớn 22.500.000 đồng nên đối với bị cáo phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, với mức án nghiêm khắc mới đủ tính răn đe và

giáo dục bị cáo.

- Đối với bị cáo B: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian với mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

5.2. Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

6. Các biện pháp tư pháp khác:

6.1. Về xử lý tiền thu lời bất chính

- Đối với bị cáo T: Số tiền bị cáo thu lời bất chính từ hành vi phạm tội là 22.500.000 đồng, cần áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải nộp sung công quỹ số tiền này.

- Đối với bị cáo B: Số tiền bị cáo thu lời bất chính từ hành vi phạm tội là 3.500.000 đồng, cần áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải nộp sung công quỹ số tiền này. Trước khi xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền này vào công quỹ theo biên lai số 0001701 ngày 21/8/2025. Bị cáo B đã nộp đủ.

6.2. Về dân sự:

Những người bị hại, anh Trang Công U, Công ty K3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét, giải quyết.

6.3. Về vật chứng:

Một chiếc điện thoại di động kiểu dáng Samsung, model: SM-J510FN/DS, màu đen, có IMEI: 357202/07/839289/2 và 357203/07839289/0 đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được chất lượng thu giữ của bị cáo B, bị cáo cùng để liên lạc mua tài sản do bị cáo T trộm cắp, liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung công quỹ.

6.4. Về án phí

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Bùi Đức B phạm tội “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo 40 (Bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2025.

3. Đối với bị cáo Bùi Đức B:

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/3/2025 đến ngày 04/04/2025.

4. Về các vấn đề khác

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Các điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo T một chiếc điện thoại di động kiểu dáng Samsung, model: SM-J510FN/DS, màu đen, có IMEI: 357202/07/839289/2 và 357203/07839289/0 đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được chất lượng. Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 2025/KV4-012 GN/THA-CA ngày 25/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội và Phòng Thi hành án dân khu vực 4 – Hà Nội.

4.2. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Bắc Từ Liêm;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan